

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân tại Biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Số 01, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân tại Công văn số 02/2025/CVCS-TTYTHD ngày 10 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 26 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân, địa chỉ số 01, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 01, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng Dân và Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân.

1.4. Mã số thuế: 1900414414.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án nhóm C theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Tổng diện tích sử dụng đất 18.592,3 m²

- Công suất hoạt động: 140 giường.

- Các hạng mục công trình của dự án:

+ Các hạng mục công trình chính:

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Năm xây dựng
KHỐI NHÀ TRỆT		1.664,74	
1	Khoa ngoại	508,79	2005
2	Khoa dược – cận lâm sàng – vật tư y tế	524,99	2005
3	Đội y tế dự phòng	326,4	2005
4	Khoa lây nhiễm	304,56	2005
KHỐI NHÀ LẦU		2.245,03	
1	Khối phòng khám trung tâm và trung tâm phòng chống bệnh tật	579,92	2005
2	Khối văn phòng trung tâm và Đội bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hoá gia đình	544,72	2005
3	Khoa hồi sức cấp cứu và khoa mổ	380,36	2005
4	Khoa sản, khoa nội nhi	740,03	2005
	Tổng	3.909,77	

+ Các hạng mục công trình phụ trợ:

STT	Tên hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Năm xây dựng
1	Cầu nối giữa các khoa	357,5	2005
2	Nhà xe 04 bánh, nhà đặt máy phát điện dự phòng, khu sấy hấp tập trung	296,6	2005
3	Nhà xe nhân viên	261,6	2005
4	Nhà xe khách	354	2005
5	Căn tin, nhà nấu ăn	289,19	2005
6	02 nhà bảo vệ	28	2005
7	Nhà vĩnh biệt	91,80	2005
8	Đường giao thông nội bộ	1.853,10	2005
9	Cổng sắt	14	2005
10	Tường rào	57,51	2005
11	Nhà vệ sinh công cộng	58	2005
12	Sân vườn, cây xanh	10.472,09	2005
13	Bể nước ngầm	23,76	2005
14	Đài nước	9	2005
15	02 sân thể dục thể thao	288	2005
Tổng		14.454,15	

+ Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

STT	Tên hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Năm xây dựng
1	Hệ thống xử lý nước thải 150m ³ /ngày đêm	128,38	2021
2	Kho chứa chất thải nguy hại	10	2005
3	Kho chứa chất thải lây nhiễm	10	2005
4	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	10	2005
5	Kho chứa chất thải không lây nhiễm	10	2005
6	Bể sự cố	60	Quý III/2025
Tổng		228,38	

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường sau khi thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân có trách nhiệm:

2.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đồng thời, định kỳ hằng năm báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan cấp phép.

2.7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2.8. Công khai giấy phép môi trường của dự án theo quy định pháp luật.

2.9. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Bạc Liêu về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 05/GP-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ cấp phép và định kỳ hằng năm báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. *lepe*

Nơi nhận: *uy*

- Như Điều 4;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- CVP; PCVP Tổng hợp;
- UBND huyện Hồng Dân;
- Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân;
- Công TTĐT tỉnh; TT CBTH tỉnh;
- Lưu: VT, MT (GPMT06).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *le*



Huỳnh Hữu Trí

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *21*./GPMT-UBND ngày *11* tháng *12* năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên làm việc tại Trung tâm với lưu lượng là $37,8\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của của thân nhân người bệnh với lưu lượng là $16,8\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 03: Nước thải từ căn tin với lưu lượng là $3,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 04: Nước thải từ phòng giặt với lưu lượng là $3,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 05: Nước thải từ phòng xét nghiệm với lưu lượng là $1,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình khám và điều trị nội trú với lưu lượng là $42\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình khám và điều trị ngoại trú với lưu lượng là $18\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình rửa lọc của hệ thống xử lý nước giếng khoan với lưu lượng là $0,4\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung thải ra hệ thống cống thoát nước chung của thị trấn Ngan Dừa sau đó thoát ra kênh Ngan Dừa.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của thị trấn Ngan Dừa sau đó thoát ra kênh Ngan Dừa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống cống thoát nước chung của thị trấn Ngan Dừa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X=1057435$; $Y=494204$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $6,25\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

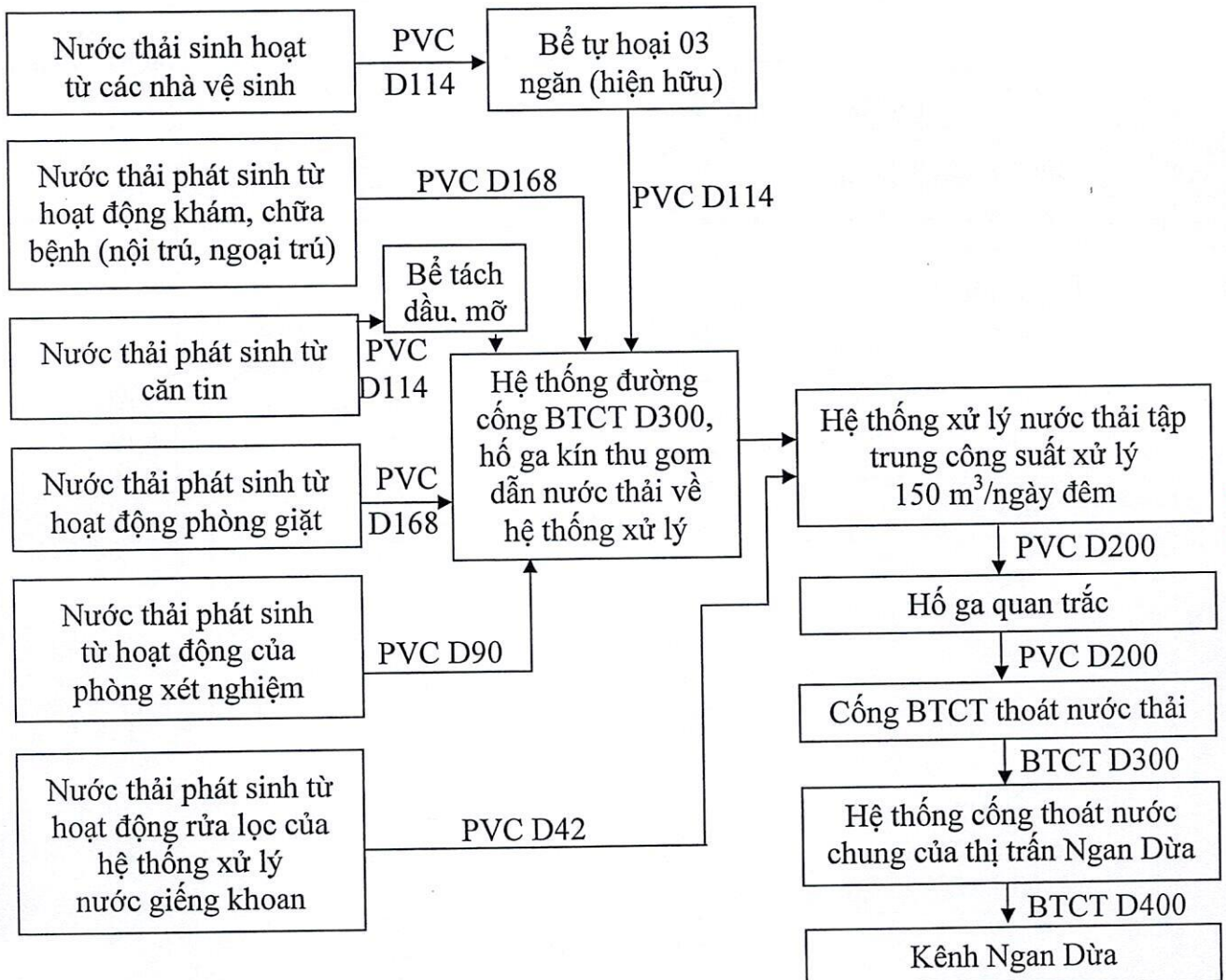
2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6,5 – 8,5	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng coliforms	MPN/100 ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

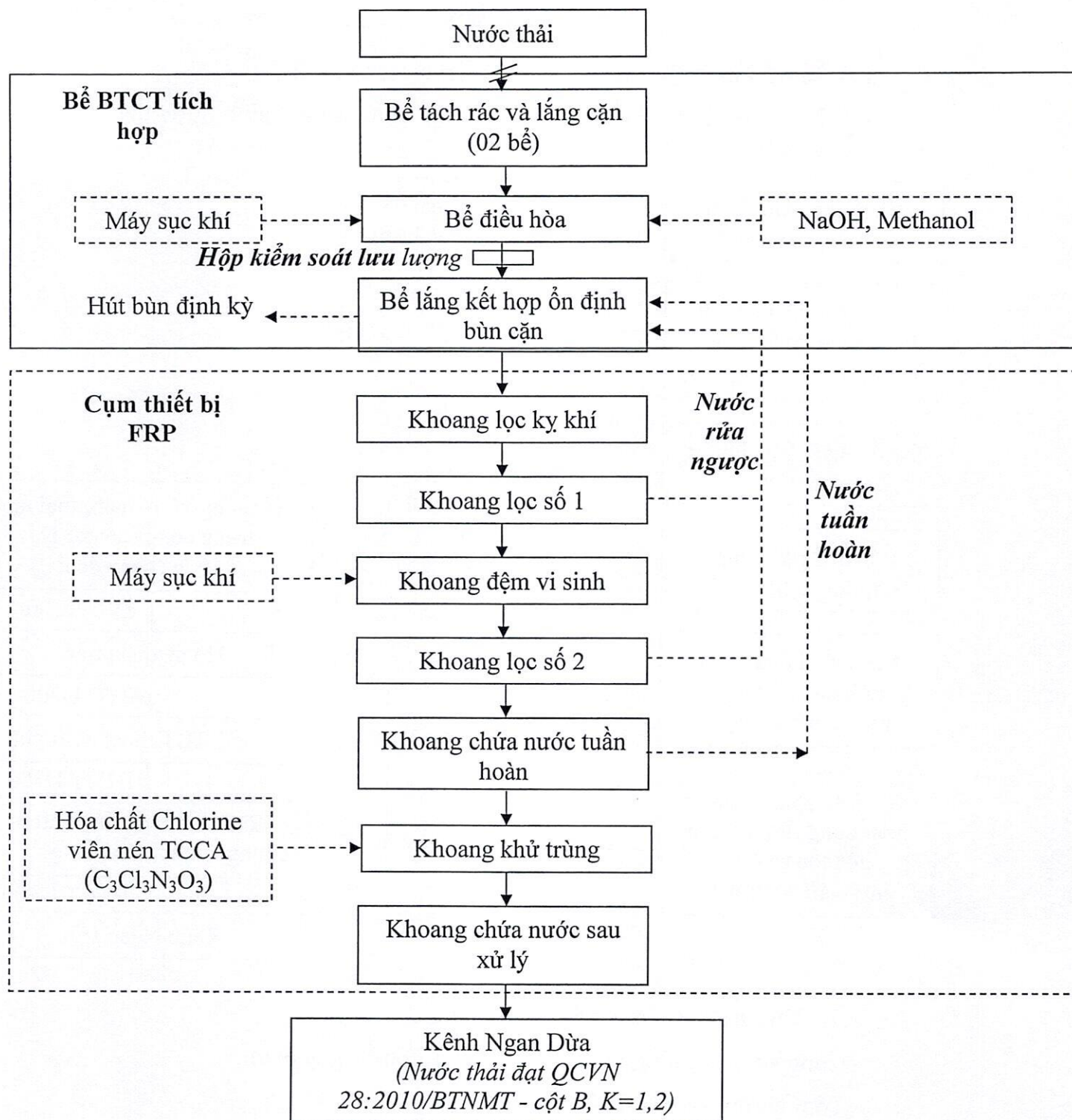
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 150 m³/ngày đêm.
- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:



- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

STT	Tên, loại hóa chất, chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Đơn vị tính	Lượng sử dụng
1	NaOH (dạng vảy)	Bể điều hòa	kg/tháng	4,17
2	Methanol	Bể điều hòa	lít/tháng	8,33
3	TCCA Chlorine (dạng viên nén 200g)	Khoang khử trùng	kg/tháng	6,67
4	Vi sinh kỵ khí	Khoang lọc kỵ khí	kg/tháng	7,5

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT cụ thể như sau:

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

+ Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ.

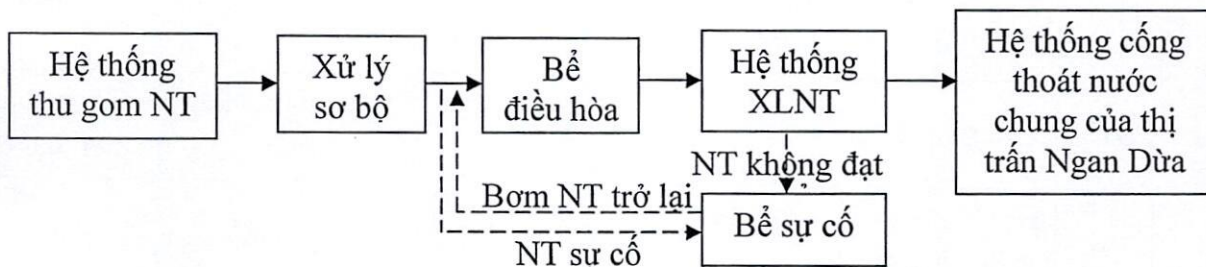
+ Thường xuyên làm vệ sinh đầu dò pH, kiểm tra mức dầu trong máy thổi khí, châm thêm khi lượng dầu ở dưới vạch quy định và thay dầu định kỳ 06 tháng/lần.

+ Định kỳ kiểm tra bơm định lượng.

+ Sơn lại các kết cấu bằng kim loại hàng năm

+ Nhân viên vận hành phải có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

- Công trình phòng, ngừa, ứng phó sự cố môi trường do nước thải:



+ Trung tâm đang làm tờ trình xin kinh phí Sở Y tế để xây dựng bể sự cố (thể tích 150m³) sẽ hoàn thành trong quý III/2025, bể sự cố này có khả năng lưu chứa trong 24 giờ để lưu trữ nước thải sự cố và nước thải không đạt chuẩn, bể sự cố được làm bằng vật liệu BTCT được xây nổi trên mặt đất, đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo quy chuẩn hiện hành khi hệ thống XLNT có sự cố. Không sử dụng chung với công trình thu gom, lưu giữ và thoát nước mưa, công trình lưu giữ nước phòng cháy, chữa cháy. Trong thời gian xin kinh phí để đầu tư bể sự cố, Trung tâm sẽ tận dụng bể điều hòa và bố trí các thùng có thể tích lớn để lưu chứa nước thải khi xảy ra sự cố, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đến khi khắc phục xong sự cố hệ thống sẽ vận hành lại đảm bảo theo đúng quy trình xử lý, nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm nước thải từ bể sự cố về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý như sau:

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắt nghẽn	Kiểm tra khắc phục
		Buồng bơm không có nước	Mời nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường nhưng lưu lượng bơm giảm	Nghẹt đường ống	Vệ sinh đường ống

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải 150m ³ /ngày đêm	01/4/2025	01/7/2025	100%

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Thời gian lấy mẫu	Tần suất, loại mẫu, vị trí lấy mẫu và thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến
- Ngày 18/6/2025 - Ngày 19/6/2025 - Ngày: 20/6/2025	-Tần suất: 01 ngày/lần -Loại mẫu: Mẫu đơn -Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí + Trước hệ thống xử lý (tại hố thu gom nước thải), tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh	QCVN 28:2010/BT NM (cột B, K=1,2)- Quy chuẩn kỹ thuật	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ hoặc đơn vị khác có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ

	tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0): X=1057439; Y=494292. + Sau hệ thống xử lý (hố ga quan trắc nước thải sau xử lý), tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0): X=1057435; Y=494204. - Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD₅, Nitrat, Sunfua, Amoni, Phosphat, Tổng Coliforms, Tổng dầu mỡ động thực vật, Samonella, Shigella, Vibrio cholerae.	quốc gia về nước thải y tế.	quan trắc môi trường.
--	---	-----------------------------	-----------------------

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K= 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, đường ống dẫn nước thải đảm bảo chắc chắn, không rò rỉ ra môi trường xung quanh, không xả nước thải chưa qua xử lý ra nguồn tiếp nhận.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

3.5.1. Thực hiện quan trắc nước thải định kỳ:

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (hố thu gom nước thải), tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): X=1057439; Y=494292 và 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (hố ga quan trắc nước thải sau xử lý), tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): X=1057435; Y=494204.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD₅, Nitrat, Sunfua, Amoni, Phosphat, Tổng Coliforms, Tổng dầu mỡ động thực vật, Samonella, Shigella,

Vibrio cholerae.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K= 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22./GPMT-UBND ngày 11. tháng 5. năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải từ ống khói máy phát điện dự phòng.

2.1. Vị trí xả khí thải: Ống khói máy phát điện, tọa độ xả thải: X = 1057317; Y = 494218 (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰00', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.025 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Phương thức xả thải: Khí thải xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói đường kính 140 mm, cao 05 m.

- Chế độ xả thải: Xả gián đoạn (chỉ xả lúc lưới điện bị cúp, thời gian xả từ lúc lưới điện bị cúp đến khi có điện trở lại).

- Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1, K_v = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (K _p =1; K _v =1)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Hoạt động giao thông ra vào Trung tâm

- Trồng cây xanh tập trung, cách ly xung quanh Trung tâm đảm bảo đạt tỷ lệ 10% diện tích theo đúng quy hoạch.
- Chọn sử dụng nhiên liệu tốt, có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển của Trung tâm.
- Bê tông hoá tất cả các tuyến đường giao thông nội bộ trong Trung tâm, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường này.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.
- Bố trí khu vực đỗ xe ra vào Trung tâm hợp lý, lắp bảng hạn chế tốc độ khi ra vào Trung tâm.
- Vào mùa nắng phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực.

1.2. Hơi dung môi hóa chất

- Các phòng khám, điều trị phải trang bị hệ thống quạt trần thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng.
- Xây dựng thông thoáng, gắn các thiết bị chụp hút, quạt thông gió,..
- Áp dụng biện pháp kháng mùi và che mùi trên cơ sở sử dụng các chất kháng mùi và che mùi như phun nước hoa, hoặc dầu sả, dầu quế... cục bộ vào những nơi thường phát sinh mùi hôi;
- Áp dụng biện pháp xử lý mùi hôi và diệt khuẩn bằng thiết bị sản xuất ôzôn quy mô nhỏ, được lắp đặt trên tường.
- Tăng cường chất lượng công tác vệ sinh, lau chùi, rửa sạch những nơi thường phát sinh mùi hôi.
- Tổ chức thu gom rác thải liên tục, không để tồn trữ tại các phòng.

1.3. Mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải, khu vực tập kết chất thải rắn

- Khu vực xử lý nước thải được xây dựng nằm cách xa các khối nhà chức năng nên tác động tiêu cực gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khá nhỏ, hệ thống xử lý được vận hành đúng theo công nghệ thiết kế, có nhân viên chuyên môn theo dõi. Bùn thải sẽ hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định để tránh phát sinh mùi hôi và sol khí.
- Trồng cây xanh có tán cách ly khu vực xung quanh hệ thống xử lý nước thải nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu và ngăn cản sự phát tán của mùi hôi và sol khí đi xa. Đây là biện pháp được sử dụng ở hầu hết các trạm xử lý nước thải, kể cả các hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp lớn trên cả nước.
- Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi lạ như: Enchoice, EM... Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào khu vực có khả năng phát sinh mùi tại hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy kín ở các khu vực, thường xuyên vệ sinh các thùng chứa rác tập trung, đối với các thùng rác nhỏ tại nguồn được trang bị bọc đựng cho từng thùng và ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn triệt để, không để tồn đọng lâu dẫn đến quá trình phân hủy gây mùi hôi thối.

- Nơi tập kết chất thải rắn được bố trí cuối hướng gió và thuận tiện trong quá trình thu gom.

1.4. Bụi, khí thải và tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng

- Phòng đặt máy phát điện được xây dựng đúng kỹ thuật, đặt tại khu vực riêng nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

- Lựa chọn máy phát điện loại tốt của Nhà sản xuất uy tín, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng để khí thải đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ S thấp (0,05%) (dầu DO) để giảm nồng độ SO₂ trong khí thải.

- Phát tán khí thải bằng ống khói. Tại ống khói của máy phát điện được lắp đầu giảm thanh nối với ống khói. Ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao. Khí thải máy phát điện được khuếch tán ra môi trường xung quanh qua ống khói cao 5m, đường kính 140mm.

- Máy phát điện đặt tại vị trí thích hợp (nằm cuối hướng gió chủ đạo), cách biệt khu vực văn phòng, khu vực khám chữa bệnh và các khu vực nhạy cảm khác.

- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.

1.5. Từ tia bức xạ

Nguồn bức xạ là tia Ronghen của máy X-quang chẩn đoán phát sinh ra tia phóng xạ. Để xử lý chống tia X đối với nhân viên làm việc trong phòng đặt máy và môi trường bên ngoài, thì một số biện pháp sau được áp dụng:

- Phòng X-quang được thiết kế, xây dựng theo đúng các yêu cầu kỹ thuật của Bộ Y tế quy định.

- Khi chụp X-quang, cửa phòng chụp được đóng kín, trong phòng chỉ có bệnh nhân. Nhân viên chụp X quang sẽ đứng ở phòng riêng quan sát qua lớp kính chì.

- Trên đầu máy X-quang có gắn một hệ thống hạn chế tia X. Khi chụp chỉ mở một diện tích vừa đủ bao phủ lên vùng cần chụp để hạn chế nhiễm tia X tối đa cho bệnh nhân.

- Trang bị đầy đủ các liều kế cá nhân cho cán bộ công nhân viên bức xạ y tế, thực hiện đo đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho cán bộ công nhân viên bức xạ y tế ít nhất 03 tháng/lần.

- Trang bị các tạp dề cao su chì cho nhân viên vận hành các thiết bị X-quang, thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT scanner,... trang bị đầy đủ các tạp dề cao su chì, tấm cao su chì che tuyến giáp, găng tay cao su chì,... cho nhân viên vận hành các thiết bị X-quang can thiệp, bác sĩ, nhân viên làm việc trong phòng thiết bị X-

quang.

- Định kỳ hàng năm, Trung tâm sẽ tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ y tế theo quy định của Thông tư số: 19/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

Tại phòng chụp X-quang ngoài việc đặt máy điều hòa không khí để bảo vệ máy phải đặt quạt thông gió để hút khí Ozon thải ra ngoài (quạt hút được đặt cách sàn 20 cm vì Ozon, nặng hơn không khí) vì khi chiếu, chụp phóng xạ, tia X đi qua không khí (Oxy) sẽ trở thành Ozon gây nhiễm đường hô hấp cho nhân viên và bệnh nhân.

Các máy móc, thiết bị hoạt động sử dụng thiết bị X-quang (chẩn đoán trong y tế) tại Trung tâm đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ số 17/GP-SKHHCN ngày 17/12/2024.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Phải có biện pháp tăng cường, kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22../GPMT-UBND ngày 11. tháng 3. năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động khám, chữa bệnh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1057320; Y = 494216 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1057433; Y = 494254 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1057342; Y = 494230 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

3.1. Đối với nguồn số 01, nguồn số 02:

- Đối với tiếng ồn: Giá trị giới hạn tiếng ồn được quy định trong giới hạn của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, như sau:

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA	55	45
Khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m ³ /ngày đêm		

- Đối với độ rung: Giá trị giới hạn độ rung được quy định trong giới hạn của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc cho phép (dB)	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA	60	55

3.2. Đối với nguồn số 03:

Giá trị giới hạn tiếng ồn được quy định trong giới hạn của QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, áp dụng giới hạn cho phép mức áp suất âm tại vị trí lao động quy định cụ thể như sau:

Vị trí	Mức áp suất chung hoặc tương đương không quá (dBA)
Khu vực khám, chữa bệnh	85

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.2. Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Kiểm tra và thay thế hoặc bổ sung một số đệm cao su, lò xo chống rung nền máy phát điện dự phòng.

+ Che chắn xung quanh khu vực máy phát điện dự phòng nhằm giảm thiểu độ ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Trung tâm.

+ Lắp đặt máy phát điện dự phòng nằm cách xa khu vực văn phòng/khu khám chữa bệnh, máy phát điện đặt trong khu vực có tường bao che xung quanh, cách âm. Chỉ sử dụng nhiên liệu DO hàm lượng lưu huỳnh trong quy chuẩn cho phép và được sử dụng máy phát điện dự phòng khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố.

1.2. Đối với phương tiện giao thông ra vào trung tâm:

+ Bố trí biển báo đề nghị các phương tiện giảm tốc độ khi ra vào trung tâm.

+ Yêu cầu tắt máy các phương tiện giao thông vận chuyển khi đã vào khu vực bãi đậu xe của trung tâm, không được nổ máy xe chạy không tải trong khuôn viên.

+ Đề nghị hạn chế bóp còi khi ra vào cổng trung tâm.

+ Trồng bố trí cây xanh, thảm cỏ xung quanh trong khuôn viên của trung tâm và bê tông hóa toàn bộ sân bãi, đường đi nội bộ của trung tâm.

1.3. Đối với tiếng ồn từ loa thông báo và người bệnh, thân nhân người bệnh:

+ Điều chỉnh âm lượng của các loa thông báo ở mức cho phép (< 55 dBA),

đủ để người bệnh và thân nhân người bệnh nhận biết rõ thông tin.

+ Bố trí số lượng các loa thông báo phù hợp với phòng chức năng như: phòng đăng ký, lấy kết quả, quầy dược, quầy tiếp nhận bệnh,...

+ Yêu cầu người bệnh, thân nhân người bệnh phải giữ trật tự không được đùa giỡn lớn tiếng trong khuôn viên của trung tâm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3 Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện quan trắc định kỳ:

+ Vị trí quan trắc tiếng ồn, độ rung: 01 điểm tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): $X = 1057320$; $Y = 494216$ và 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): $X = 1057433$; $Y = 494254$.

+ Vị trí quan trắc tiếng ồn: 01 điểm tại khu vực khám, chữa bệnh, tọa độ thu mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0): $X = 1057342$; $Y = 494230$.

+ Tần suất quan trắc: 06 tháng/ 01 lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với tiếng ồn; QCVN 27:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với độ rung và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21../GPMT-UBND ngày 11. tháng 5. năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

1.1.1 Chất thải y tế lây nhiễm

Khối lượng chất thải rắn y tế lây nhiễm phát sinh khoảng 16 kg/ngày, tương đương 5.840 kg/năm như sau:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn gồm: kim tiêm, đầu sắc nhọn dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, dao mổ, mảnh thủy tinh vỡ, vật sắc nhọn đã sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc các vi sinh vật gây bệnh.

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn gồm có: bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh, vỏ lọ vắc xin, chất thải lây nhiễm dạng lỏng (gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người).

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm bao gồm các mẫu bệnh phẩm dụng cụ đựng mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ ở các phòng xét nghiệm, khu vực điều trị cách ly.

1.1.2. Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	15	08 02 04
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế	Bùn	6	10 02 03
3	Hóa chất thải có thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	1	13 01 02
4	Các thiết bị y tế bị vỡ, hư hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và kim loại nặng	Rắn	1	13 03 02
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
7	Bao bì mềm, giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2	18 01 01
Tổng cộng			60	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải rắn thông thường	Khối lượng trung bình (kg/ngày)
1	Chai nhựa truyền dịch thải (không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa các yếu tố gây nguy hại)	0,5
2	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ (không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa các vi sinh vật gây bệnh)	1,0
3	Giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy (không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại)	0,5
Tổng cộng		2,0

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Lượng rác thải sinh hoạt	Tổng lượng rác thải/ngày (kg)	Tổng lượng rác thải/năm (kg)
1	Rác thải sinh hoạt của bệnh nhân đến khám, điều trị nội trú và ngoại trú; thân nhân của bệnh nhân; cán bộ, công nhân viên	536	195.640

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Chất thải y tế lây nhiễm:

Thực hiện quản lý và phân loại chất thải rắn y tế lây nhiễm theo hướng dẫn của Thông tư số: 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số: 18/2022/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

+ Tách riêng từng khu vực nhà lưu giữ từng loại chất thải rắn phát sinh tại trung tâm. Từng loại chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm) đều được lưu giữ hoàn toàn riêng biệt.

+ Chất thải rắn y tế lây nhiễm được thu gom vào các loại thùng chứa màu vàng có nắp đậy, có lót túi bên trong thùng, được tập kết đưa đến khu vực chứa

chất thải rắn y tế lây nhiễm có diện tích là 10m² (có kết cấu tường xây bằng gạch, nền bê tông, có lắp đặt gờ che chắn xung quanh, mái được lợp tole, gắn cửa ra vào, có dán biển cảnh báo).

+ Chất thải rắn y tế lây nhiễm phát sinh tại Trung tâm được thu gom, chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Trung tâm đã ký hợp đồng với Trung tâm Y tế huyện Phước Long định kỳ đến thu gom và vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

+ Thiết bị lưu chứa:

STT	Loại thùng	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Loại 240 lít	Thùng	10	Thùng màu vàng (có nắp đậy, có lót túi bên trong)
2	Loại 20 lít	Thùng	40	
Tổng cộng		Thùng	50	

2.1.2. Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom và chứa trong các thùng chứa màu đen, có nắp đậy. Chất thải này đựng trong thùng rác màu đen, được lót túi bên trong (theo Thông tư số: 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số: 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu). Lượng chất thải này được tập kết đưa về kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích là 10m² (có kết cấu tường xây bằng gạch, nền bê tông, lắp đặt gờ che chắn xung quanh, mái lợp tole, gắn cửa ra vào, có dán biển cảnh báo). Bên trong có bố trí các thùng chứa màu đen bằng nhựa, có nắp đậy, có túi lót bên trong, có dán cảnh báo, có dẫn mã chất thải nguy hại theo quy định.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tại Trung tâm được thu gom, chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 năm/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn thông thường thu gom phục vụ cho mục đích tái chế bao gồm thùng giấy, loại chất thải nhựa từ y tế không yếu tố lây nhiễm như: chai nhựa truyền dịch, dây nhựa truyền dịch, hộp thuốc,... được thu gom, phân loại tại nguồn không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải lây nhiễm và CTNH không lây nhiễm.

- Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế được chứa trong các thùng chứa màu trắng có nắp đậy, được đặt dọc hành lang khu khám bệnh, các phòng khám và phòng chức năng. Chất thải này đựng trong thùng rác màu trắng và lót túi bên trong (theo Thông tư số: 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số: 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu). Lượng chất thải rắn này được tập kết vào khu chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 15m² (có kết cấu tường vách tole, nền bê tông, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo).

- Thiết bị lưu chứa:

STT	Loại thùng	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Loại 20 lít	Thùng	30	Thùng màu trắng (có nắp đậy, có lót túi bên trong)
2	Loại 240 lít	Thùng	02	
Tổng cộng		Thùng	32	

- Trung tâm hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động với tần suất thu gom 06 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện quản lý và phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của Thông tư số: 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số: 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Chất thải rắn sinh hoạt (không dùng cho mục đích tái chế) được chứa trong các thùng chứa màu xanh có nắp đậy (có lót túi bên trong thùng), được đặt dọc hành lang, các phòng khám.

- Bố trí các thùng chứa tại các khu vực phát sinh thường xuyên, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và vận chuyển về khu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15m² (có kết cấu vách tole, nền bê tông, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, được xây dựng kín để hạn chế thấp nhất phát thải mùi hôi ra khu vực xung quanh) để chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển với tần suất mỗi ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Trung tâm đều được thu gom và chuyển giao cho Trung tâm Dịch vụ đô thị huyện Hồng Dân thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết bị lưu chứa:

STT	Loại thùng	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Loại 1000 lít	Thùng	03	Thùng màu xanh (có nắp đậy, có lót túi bên trong)
2	Loại 240 lít	Thùng	10	
3	Loại 40 lít	Thùng	10	
4	Loại 20 lít	Thùng	120	
Tổng cộng		Thùng	143	

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của chính quyền địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ và tai nạn điện**

- Trung tâm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và cháy nổ của nhà nước ban hành, được cơ quan cấp: “*Giấy chứng nhận an toàn phòng cháy chữa cháy*”.

- Niêm yết các tiêu lệnh, biển báo, quy định phòng cháy chữa cháy. Trang bị đầy đủ thiết bị ứng phó sự cố cháy nổ như: bình CO₂, tủ đựng dụng cụ chữa cháy,... các trang bị phải để chỗ dễ nhìn thấy dễ lấy.

- Các thiết bị, phương tiện PCCC lắp đặt tại Trung tâm đã được Cục Cảnh sát PCCC và CNCH – Bộ Công an cấp giấy chứng nhận.

- Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo đúng quy định.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên về khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng, hậu quả khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt về chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên, nêu chi tiết các nhiệm vụ cần phải thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất**

- Quá trình bốc dỡ hóa chất phải đảm bảo theo yêu cầu TCVN 3147:1990

- Các loại hóa chất được lưu trữ trong kho chứa, khu vực có dán nhãn tên, vị trí của từng loại nhằm hạn chế sự xúc tác và nhầm lẫn hóa chất.

- Kiểm tra thiết bị dùng để lưu, chứa loại hóa chất, nghiêm khắc đòi trả hàng khi Nhà cung cấp giao sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

- Huấn luyện an toàn hoá chất cho cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về hoá chất, người lao động liên quan trực tiếp với hoá chất tại đơn vị.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố khí thải**

Sự cố khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của trung tâm là khí và hơi hóa chất phát sinh từ phòng khám, phòng xét nghiệm; khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; khí thải từ hoạt động của các phương tiện ra, vào trung tâm. Một số các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Đối với khí, hơi hóa chất phát sinh từ phòng khám, phòng xét nghiệm:

+ Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực phòng khám, phòng xét nghiệm.

+ Bố trí hệ thống thông gió bên trong phòng khám. Lắp đặt hệ thống điều hòa bên trong khu vực phòng xét nghiệm.



+ Bố trí và bảo quản hóa chất trong khu vực phòng kín, các dụng cụ đựng hóa chất phải có nắp đậy kín.

+ Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khuôn viên trung tâm.

- Đối với bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

+ Chỉ sử dụng máy phát điện khi lưới điện gặp sự cố mất điện. Sử dụng đúng loại nhiên liệu theo yêu cầu của nhà sản xuất để chạy máy phát điện.

+ Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu vực đặt máy phát điện.

- Đối với khí thải từ hoạt động của các phương tiện ra vào trung tâm:

+ Yêu cầu tắt máy phương tiện khi đã đậu vào khu vực đỗ xe của trung tâm.

+ Yêu cầu không chạy xe lung tung trong khuôn viên trung tâm.

+ Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên trung tâm.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông**

- Quy định các phương tiện di chuyển của cán bộ, công nhân viên, thân nhân người bệnh đến trung tâm phải tắt máy, không nổ máy không tải khi đã vào khu vực bãi đậu đỗ xe (nhà xe) của trung tâm.

- Thường xuyên tuyên truyền ý thức và lắp biển cảnh báo an toàn giao thông trong khuôn viên của trung tâm.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển.

- Lắp đặt các biển cảnh báo chú ý quan sát và chú ý xe ra, vào thường xuyên khu vực ra vào cổng trung tâm.

- Lắp đặt biển cảnh báo, hạn chế tốc độ khi ra vào khuôn viên trung tâm.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động**

- Các khu vực được thiết kế xây dựng theo đúng tiêu chuẩn xây dựng của trung tâm, đảm bảo đạt diện tích tối thiểu tính theo tiêu chí giường bệnh.

- Lắp đặt thiết bị chiếu sáng đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế, đồng thời thường xuyên kiểm tra thay thế các bóng đèn bị hỏng.

- Vệ sinh sạch sẽ môi trường làm việc để tạo không khí thoáng mát, dễ chịu.

- Bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại Trung tâm để đảm bảo đủ sức khỏe phục vụ công tác nhằm hạn chế sự cố tai nạn lao động xảy ra.

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt dư**

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ khuôn viên của trung tâm.

- Trồng cây xanh thảm cỏ bên trong khuôn viên trung tâm nhằm giúp điều hòa nhiệt độ và tạo mỹ quan thông thoáng.

- Bố trí quạt trần và hệ thống cửa sổ lấy gió tự nhiên, nhằm giúp giảm nhiệt độ bên trong các khoa, phòng của trung tâm.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố lây nhiễm trong hoạt động khám chữa bệnh**

- Rửa tay là biện pháp quan trọng nhất giúp ngăn ngừa sự lây lan vi sinh vật từ bệnh nhân này sang bệnh nhân khác qua hoạt động khám chữa bệnh của bác sĩ, điều dưỡng. Vấn đề này thường bị xem nhẹ, không tuân thủ đúng theo quy định nên phải nghiêm túc thực hiện.

- Thực hiện đúng đầy đủ quy trình vô khuẩn như: Rửa dụng cụ y tế, khử khuẩn và tiệt trùng các dụng cụ đúng quy trình.

- Cách ly bệnh nhân: Bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm, nghi ngờ nguy cơ lây truyền bệnh phải được bố trí nằm phòng cách ly để điều trị.

- Quản lý chất thải của các khoa, phòng: Thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín (có lót túi bên trong) để đúng nơi quy định và đảm bảo vệ sinh.

*** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cho cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở**

- Áp dụng kỹ thuật an toàn (như không đập nắp kim tiêm bằng tay, kim tiêm sau khi sử dụng phải bỏ ngay vào thùng đựng vật sắc nhọn và không để rơi vãi tránh xảy ra sự cố trong quá trình thu gom chất thải).

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang, găng tay, kính,...

- Tổ chức tập huấn, đào tạo cho nhân viên y tế về bệnh lây nhiễm, khi xảy ra tai nạn nghề nghiệp cần báo ngay để được trị liệu sau phơi nhiễm, với phương châm càng sớm càng tốt.